

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 197/2024/HC-ST
Ngày 31-10-2024

V/v khiếu kiện quyết định
hành chính về quản lý nhà
nước trong lĩnh vực quản lý
đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Thanh Thị Minh Hiền;
- Bà Nguyễn Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 49/2024/TLST-HC ngày 19/3/2024, về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 220/2024/QĐXXST-HC ngày 15 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Phạm Lê Q, sinh năm: 1972 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2024)

+ Ông Tiểu Hồng K, sinh năm: 1965 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu phố C, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2024)

Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

- Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

+ Ông Phan L – Giám đốc phụ trách Trung tâm P (Có mặt)

+ Ông Phan Công S – Chuyên viên phòng Tài nguyên - Môi trường huyện H (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung lần 1 ngày 23/12/2023, đơn khởi kiện bổ sung lần 2 ngày 19/01/2024, người khởi kiện trình bày:

Bà T được nhà nước công nhận và sử dụng thửa đất số 05, tờ bản đồ số 07, diện tích 4.555,4m² (đất ở là 50m² và đất sản xuất nông nghiệp là 4.148,4m², đất hành lang đường bộ 357m²), tọa lạc tại thôn D, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Ngày 27/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện H có Quyết định số 1229/QĐ-UBND, thu hồi toàn bộ phần diện tích nêu trên. Lý do thu hồi thực hiện Dự án xây dựng đoạn đường P- D, thuộc đoạn đường C -N, qua địa bàn huyện H để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng.

Ngày 27/9/2019, UBND huyện H ra Quyết định số 1806a/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường đất bị thu hồi. Ngày 02/10/2019, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND về việc bồi thường đất cho bà với số tiền là 983.381.688 đồng là căn cứ theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, ban hành quy định về bảng giá các loại đất áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B.

Sau khi nhận Quyết định về việc bồi thường này, bà có đơn đến Ủy ban nhân dân huyện H khiếu nại về việc áp giá bồi thường đất cho bà không thỏa đáng. Lý do: Ủy ban nhân dân huyện H áp dụng Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014, ban hành quy định về bảng giá các loại đất của Ủy ban nhân dân tỉnh B để áp giá bồi thường là không đúng mà phải áp dụng mức giá bồi thường của năm 2020.

Ngày 21/10/2021, bà T tiếp tục có đơn gửi đến Ủy ban nhân dân huyện H khiếu nại về việc phải áp dụng giá đất năm 2020 để bồi thường. Đến ngày 02/11/2021, bà nhận được công văn trả lời của Ủy ban nhân dân huyện H nhưng nội dung trả lời cũng không thỏa đáng.

Ngày 24/11/2022, bà tiếp tục làm đơn kiến nghị gửi đến Ủy ban nhân dân huyện H khiếu nại về việc cần áp dụng Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 để áp giá bồi thường về đất cho bà (giá đất năm 2020). Việc áp giá

bồi thường đất không đúng quy định pháp luật gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bà. Ngày 30/12/2022, bà nhận được văn bản số 4268/UBND-PTQĐ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về phúc đáp kiến nghị khiếu nại trên: Ủy ban nhân dân huyện H cho rằng các yêu cầu khiếu nại của bà là không có cơ sở.

Tại Văn bản số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện H khẳng định: “Liên quan đến nội dung đơn kiến nghị đề ngày 24/11/2022 nêu trên của bà Phạm Thị T, trước đây bà T đã nhiều lần gửi đơn, UBND huyện H đã kiểm tra, rà soát và có Công văn số 657/UBND-PTQĐ ngày 04/3/2020, Thông báo số 231/TB-UBND ngày 26/5/2020, Công văn số 1211/UBND-PTQĐ ngày 29/4/2021 và Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 trả lời, giải thích cho bà T”. Việc Ủy ban nhân dân huyện H ra các Công văn này trả lời cho bà T là không đúng, vì theo quy định của Luật khiếu nại, tố cáo thì UBND huyện H phải ra Quyết định giải quyết khiếu nại tố cáo.

Do Quyết định số 1806a/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường về đất và Quyết định số 1893/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện H về việc bồi thường đất với số tiền là 983.381.688 đồng không đúng pháp luật, không thỏa đáng nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Hủy Văn bản số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T.
- Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T.
- Buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc bồi thường giá đất theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bổ sung thêm yêu cầu hủy Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T để xây dựng dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 -2020 đoạn đi qua địa bàn xã T, huyện H.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H, Ủy ban nhân dân huyện H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H trình bày:

1. Về việc bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Văn bản số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T:

Theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính ngày 25/11/2015 thì quyết định hành chính bị kiện là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà

nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể mà làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Công văn số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện H chỉ có ý kiến phúc đáp cho bà Phạm Thị T biết về nội dung kiến nghị của bà T đã được UBND huyện H trả lời, giải thích cho bà T tại các văn bản trước đây; không quyết định việc đúng hay sai, có cơ sở hoặc không có cơ sở giải quyết nội dung kiến nghị của bà T; đồng thời, cũng không làm thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của bà T. Do đó, UBND huyện H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xem xét lại Công văn số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch UBND huyện H có phải là quyết định hành chính đề bà T khởi kiện yêu cầu hủy bỏ hay không?

2. Về việc bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch UBND huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T:

Quyết định số 1893/QĐ-UBND được UBND huyện H ban hành ngày 02/10/2019 và được giao cho bà Phạm Thị T ngày 04/10/2019, sau đó, bà T có đơn không thống nhất việc áp giá bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện H.

Nội dung đơn của bà T đã được UBND huyện H kiểm tra, rà soát và có nhiều văn bản trả lời, giải thích cho bà T; gần nhất UBND huyện H trả lời cho bà T tại Công văn số 3821/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 V/v trả lời đơn của bà Phạm Thị T, Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 V/v trả lời đơn tập thể của các ông (bà): Phạm Thị T, Vũ Hữu C, Lê Văn C1, Bùi Thị Đ, Nguyễn Văn H và Đặng Hữu L1. Các văn bản trả lời nêu trên được Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện H giao cho bà T vào ngày 04/11/2021 (có Biên bản giao, nhận kèm theo) và sau khi nhận được các văn bản trên thì UBND huyện H không nhận được đơn khiếu nại của bà T đối với Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019, Công văn số 3821/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 và Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 của UBND huyện H; đến ngày 24/11/2022, bà T1 mới có đơn kiến nghị gửi UBND huyện H nhưng nội dung đơn chỉ kiến nghị chung chung và trùng với các nội dung đơn trước đây đã được UBND huyện H trả lời, giải thích tại các văn bản nêu trên nên UBND huyện H mới có Công văn số Công văn số 4268/UBND-PTQĐ ngày 30/12/2022 phúc đáp cho bà T như nội dung đã phân tích tại mục 1 Công văn này.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính ngày 25/11/2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.

Bà Phạm Thị Thới N Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của UBND huyện H vào ngày 04/10/2019; nhận Công văn số 3821/UBND- PTQĐ ngày 02/11/2021 và Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 của UBND huyện H vào ngày 04/11/2021, đến thời điểm bà T khởi kiện (tháng 3/2024) đã quá thời hiệu khởi kiện theo quy định. Do đó, UBND huyện H đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xem xét lại thời hiệu khởi kiện và thụ lý vụ án.

3. Về nội dung bà Phạm Thị T yêu cầu buộc UBND huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc bồi thường giá đất theo quy định của pháp luật:

UBND huyện H thu hồi diện tích 4.555,4m² đất của bà Phạm Thị T theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 để thực hiện dự án Thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông, giai đoạn 2017 - 2020 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Việc bồi thường về đất cho bà T đã được UBND huyện H thực hiện theo đúng nguyên tắc bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật Đất đai năm 2013. UBND huyện H đã áp dụng đầy đủ chính sách bồi thường, hỗ trợ cho bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật về đất đai; Khung chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Công văn số 881/TTg-CN ngày 12/7/2018; Quyết định số 08/2015/QĐ-UBND ngày 02/3/2015 (được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 05/2018/QĐ-UBND ngày 25/01/2018) của UBND tỉnh B quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của bà T là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thới .

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thới .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người khởi kiện có mặt người đại diện theo ủy quyền, Ủy ban nhân dân huyện H, Chủ tịch Ủy ban nhân huyện H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, có mặt người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ

tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Văn bản số 4268/UBND-PTĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T; Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hộ bà Phạm Thị T để xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận; Hủy Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của UBND huyện H về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T để xây dựng dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 -2020 đoạn đi qua địa bàn xã T, huyện H và buộc Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện nhiệm vụ, công vụ về việc bồi thường giá đất theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, Văn bản số 4268/UBND-PTĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T có nội dung là nêu lại các Công văn số 657/UBND-PTQĐ ngày 04/3/2020, Thông báo số 231/TB-UBND ngày 26/5/2020, Công văn số 1211/UBND-PTQĐ ngày 29/4/2021, Công văn số 3821/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021, Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021 về việc trả lời, giải thích kiến nghị cho bà T. Tuy nhiên, nội dung các Công văn trả lời, giải thích kiến nghị cho bà T nêu trên có nội dung xem xét các Quyết định bồi thường của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H và Ủy ban nhân dân huyện H đối với bà T đã phát sinh trong hoạt động quản lý hành chính Nhà nước về đất đai, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, là quyết định hành chính nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận thụ lý giải quyết theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành các Quyết định bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Phạm Thị T, người khởi kiện đã nhiều lần gửi đơn kiến nghị các quyết định trên đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Phạm Thị T không khiếu nại theo trình tự thủ tục khiếu nại các quyết định hành chính mà có đơn kiến nghị gửi Ủy ban nhân dân huyện H yêu cầu giải quyết liên quan đến chính sách bồi thường và ký vào đơn kiến nghị tập thể của các hộ dân. Ủy ban nhân dân huyện H đã kiểm tra, rà soát và có Công văn số 657/UBND-PTQĐ ngày 04/3/2020, Thông báo số 231/TB-UBND ngày 26/5/2020, Công văn số 1211/UBND-PTQĐ ngày 29/4/2021, Công văn số 3821/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021, Công văn số 3822/UBND-PTQĐ ngày 02/11/2021. Tại văn bản số 4268/UBND-PTĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về

việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T có nội dung khẳng định việc giải quyết đơn của bà Phạm Thị T tại các thông báo, công văn trên được trả lời. Không đồng ý văn bản số 4268/UBND-PĐ, ngày 05/10/2023, bà T khởi kiện yêu cầu hủy công văn 4268 và các quyết định bồi thường, hỗ trợ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Như vậy, từ khi biết các Quyết định bồi thường, hỗ trợ thì bà T đã có ý kiến và kiến nghị liên tục về mặt thời gian để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà nên yêu cầu khởi kiện của bà T là còn thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật tố tụng hành chính.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1806a/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ dân trên địa bàn huyện H. Cùng ngày 27/9/2019, Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định 1229/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất thu hồi là 4.555,4m², trong đó có đất ở và đất sản xuất nông nghiệp của bà Phạm Thị T để xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia công cộng.

Ngày 02/10/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H ban hành Quyết định số 1893/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của hộ bà Phạm Thị T để xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận với số tiền 1.688.294.438 đồng (gồm bồi thường về đất: 983.381.688 đồng, bồi thường về tài sản: 494.609.750 đồng, các khoản hỗ trợ: 210.303.000 đồng).

Quá trình thực hiện việc thu hồi đất và bồi thường, ngày 18/8/2021 UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2083/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020, đoạn đi qua địa bàn huyện H (Bổ sung xã S và xã T); Ngày 28/9/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H đã ban hành thêm Quyết định số 2049/QĐ-UBND về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T đối với số tiền 130.989.440 đồng.

Bà Phạm Thị T cho rằng cả hai Quyết định số 1893/QĐ-UBND và Quyết định 2049/QĐ-UBND đều được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H bồi thường giá trị đất nông nghiệp theo giá của loại đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 tại vị trí 1 với đơn giá là 18.000 đồng/m² theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh B là không đúng bảng giá đất bồi thường vào thời điểm thi hành giá đất theo Quyết định 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy

định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận. Cho nên bà yêu cầu hủy Quyết định 2049/QĐ-UBND và hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019; Còn lại các quyết định khác như quyết định 1525/ QĐ-UBND là quyết định bồi thường tài sản cây trồng và quyết định 1948/QĐ-UBND về hỗ trợ thuê nhà cho bà T là quyết định có liên quan nhưng đảm bảo quyền lợi của bà, bà không yêu cầu giải quyết.

[4.1] Đối với Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Quyết định 1940/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của UBND tỉnh B về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020, đoạn qua địa bàn huyện H thì đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 được tính hệ số điều chỉnh giá đất 11,54. Tại thời điểm ban hành Quyết định 1229/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích đất thu hồi là 4.555,4m² của bà Phạm Thị T và Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T thì chính sách bồi thường về giá đất theo Quyết định 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (*áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2019*) đang có hiệu lực và được quy định điểm 2 mục I phần A phụ lục số 8 bảng giá đất huyện H thì giá đất cây trồng lâu năm vị trí 1 tại xã T đơn giá 18.000m².

Tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013 quy định:

“a) Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày;”

Như vậy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T áp giá đất theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận, thời điểm ban hành quyết định để tính bồi thường, hỗ trợ là phù hợp và cùng thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất của bà T.

[4.2] Đối với Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021:

Do UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020, đoạn đi qua địa bàn huyện H (Bổ sung xã S và xã T). Cho nên UBND huyện H ban hành Quyết định 2009/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường (*bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp*

giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020, đoạn đi qua địa bàn xã T huyện H, trên tổng kinh phí cho 07 hộ dân.

Trên cơ sở đó Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc bồi thường (*bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m*) cho hộ bà Phạm Thị T với giá trị bồi thường 130.0989.440 đồng (theo bảng tính toán giá trị bồi thường (bổ sung) do Hội đồng bồi thường tính toán chi tiết phần đất đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m có diện tích tiếp giáp với đường ĐT 720 là 599m² (có bản trích lục thửa đất tiếp giáp – Bút lục 157) trên tổng diện tích đất thu hồi là 4.555,4m².

Mặc dù, tại thời điểm ban hành Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 thì Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành quy định về bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Thuận theo Quyết định 37/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 (*áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024*). Tuy nhiên, nội dung của Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc bồi thường (*bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m*) cho hộ bà Phạm Thị T là hệ số điều chỉnh giá đất, để áp giá bồi thường (bổ sung) đối với phần đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m theo Quyết định số 2083/QĐ-UBND ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh B là phù hợp với chính sách điều chỉnh giá đất theo thời điểm được quy định tại Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2. Phần diện tích đất 599m² được điều chỉnh hệ số giá đất, để áp giá bồi thường (bổ sung) vẫn trong phần diện tích đất bị thu hồi 4.555,4m² theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 về việc thu hồi đất của bà Phạm Thị T.

Tại khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 quy định:

“Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất.”

Do đó, Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T là đúng quy định.

[5] Từ những phân tích tại Mục 4.1 và 4.2, Hội đồng xét xử nhận thấy Văn bản số 4268/UBND-PTĐ ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T thể hiện tại các văn bản đã giải quyết kiến nghị có nội dung không chấp nhận nội dung kiến nghị của bà Phạm Thị T là có căn cứ.

Cho nên các yêu cầu của bà Phạm Thị T về việc hủy Văn bản số 4268/UBND-PD ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị T; Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ bà Phạm Thị T; Hủy Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 về việc bồi thường, (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T và buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật là không có căn cứ, ý kiến phát biểu quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tuy nhiên, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 3, Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Khoản 2 Điều 116, Điều 191, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính.

- Điểm a khoản 3 Điều 69, khoản 2 Điều 74 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 12, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc:

+ Hủy Văn bản số 4268/UBND-PD ngày 30/12/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc phúc đáp đơn kiến nghị của bà Phạm Thị Thới .

+ Hủy Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có hộ bà Phạm Thị T để xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía đông, giai đoạn 2017 – 2020 đoạn qua địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận.

+ Hủy Quyết định số 2049/QĐ-UBND ngày 28/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện H về việc bồi thường (bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất phần diện tích đất nông nghiệp nằm trong khu dân cư tiếp giáp đường ĐT.720 vào sâu 40m) cho hộ bà Phạm Thị T để xây dựng dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn P - D thuộc Dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017 -2020 đoạn đi qua địa bàn xã T, huyện H;

+ Buộc Ủy ban nhân dân huyện H phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2024). Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái